



gǒu zǎi zi

狗崽子

noun · puppy; (derogatory) brat

Example Sentence

nà zhī gǒu zǎi zi zài yuàn zi lǐ pǎo lái pǎo qù
那只狗崽子在院子里跑来跑去。

That puppy is running around in the yard.

Trace each character, then write the word on your own.

狗	狗	狗	狗	狗	狗	狗	狗	狗	狗	狗
崽	崽	崽	崽	崽	崽	崽	崽	崽	崽	崽
子	子	子	子	子	子					